TOÀ ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN GIỒNG TRÔM
TỈNH BẾN TRE

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: **78**/2017/DS-ST
Ngày: 24/8/2017
"V/v tranh chấp quyền về lối đi qua bất động sản liền kề"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN GIỒNG TRÔM, TỈNH BẾN TRE

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:
Thẩm phán - Chủ tọa phiên toà: Bà Võ Thế Trang Đền.
Các Hội thẩm nhân dân: 1. Ông Nguyễn Văn Bé.
2. Ông Từ Xuân Tiếng.

- Thư ký phiên toà: Bà Bùi Thị Thùy Dung – Thư ký Toà án nhân dân huyện Giồng Trôm, tỉnh Bến Tre.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Giồng Trôm tham gia phiên tòa: Bà Ngô Thị Mỹ Trang – Kiểm sát viên.

Ngày 24 tháng 8 năm 2017, tại trụ sở Toà án nhân dân huyện Giồng Trôm, tỉnh Bến Tre xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 03/2016/TLST-DS ngày 05 tháng 01 năm 2016 về việc:"Tranh chấp quyền về lối đi qua bất động sản liền kề" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 76/2017/QĐXXST-DS ngày 05/7/2017giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Ông Nguyễn Văn B, sinh năm: 1962;
Bà Nguyễn Thị Kim Ng, sinh năm: 1962;
Cùng địa chỉ: Ấp B, xã H, huyện T, tỉnh Bến Tre.
2. Bị đơn: Bà Nguyễn Thị L, sinh năm: 1959;
Địa chỉ: Ấp B, xã H, huyện T, tỉnh Bến Tre.
3. Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:
Ông Nguyễn Văn B, sinh năm: 1956;
Chị Nguyễn Thị Trúc Ph, sinh năm: 1980;
Cùng địa chỉ: Ấp B, xã H, huyện T, tỉnh Bến Tre.
(Tại phiên tòa, ông B và bà Ng có mặt; Bà L, ông B và chị Ph vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Trong đơn khởi kiện ngày 30/12/2015, các lời khai trong quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn là ông Nguyễn Văn B và bà Nguyễn Thị Kim Ng trình bày:

Ông B và ông Nguyễn Văn B là anh em ruột với nhau, khi cha mẹ mất, cha mẹ

có cho anh em mỗi người một phần đất liền kề với nhau. Phần đất của ông B có diện tích 4.180,2m^2, thuộc thửa 166, tờ bản đồ số 8 giáp với phần đất có diện tích 1.942,9m^2, thuộc thửa số 167, tờ bản đồ số 8 của ông B, bà Ng. Muốn đi ra lộ công cộng gia đình ông bà phải đi qua phần đất nêu trên của ông B. Phần lối đi này đã hình thành từ năm 1981, gia đình ông bà sử dụng lối đi này ổn định cho đến nay. Lối đi có chiều ngang khoảng 0,5 m, chiều dài khoảng 108 m. Vào năm 2015, được sự cho phép của ông B, gia đình ông bà đổ bê tông và xây cầu trên phần đất này để việc đi lại được thuận tiện. Nhưng sau đó, gia đình ông bà và gia đình ông B xảy ra mâu thuẫn, gia đình ông B không đồng ý cho gia đình ông bà đi lối đi rộng như trước mà đã xắn đất làm mương ảnh hưởng đến lối đi của gia đình ông bà, làm cho việc đi lại ra đường lộ công cộng rất khó khăn. Nhiều lần ông bà có yêu cầu gia đình ông B trả lại lối đi như cũ nhưng gia đình ông B không đồng ý và cho rằng gia đình ông bà có lỗi trong vấn đề này. Trong các phiên hòa giải tại ấp và xã hai bên không thỏa thuận được với nhau, ông bà cũng đã đến xin lỗi gia đình ông B nhưng ông B không đồng ý. Hiện tại, gia đình ông B đã đào mương sát một bên lối đi này, bên còn lại ông B rào dây kẽm gai làm cho việc đi lại của gia đình ông bà gặp rất nhiều khó khăn. Do đó, ông bà yêu cầu Tòa án giải quyết buộc gia đình bà Nguyễn Thị L và ông Nguyễn Văn B phải mở cho gia đình ông bà lối đi có chiều ngang khoảng 1,2 m, chiều dài 120 m trên phần đất có diện tích 4.180,2m^2, thuộc thửa 166, tờ bản đồ số 8, đất tọa lạc tại ấp Ấp B, xã H, huyện T, tỉnh Bến Tre do hộ bà Nguyễn Thị L đứng tên giấy chứng nhận quyền sử dụng đất để ông bà có một lối đi thuận lợi ra đường lộ công cộng, ông bà đồng ý bồi thường giá trị đất và những thiệt hại về hoa màu trên đất theo giá nhà nước quy định do việc mở lối đi gây ra. Ngoài lối đi này ông bà không còn lối đi nào khác để ra lộ công cộng, đây là lối đi duy nhất và thuận tiện ra đường lộ công cộng.

Tại phiên tòa ông B bà L vẫn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện nêu trên và đồng thời ông B bà L cũng có ý kiến là đồng ý tự nguyện chịu toàn bộ tiền án phí và các chi phí tố tụng khác trong trường hợp toàn bộ yêu cầu của nguyên đơn được chấp nhận.

Trong bản tự khai và các lời khai khai trong quá trình giải quyết vụ án, bị đơn là bà Nguyễn Thị L trình bày:

Phần đất có diện tích 4.180,2m^2, thuộc thửa 166, tờ bản đồ số 8 của gia đình ông bà giáp với phần đất có diện tích 1.942,9m^2, thuộc thửa số 167, tờ bản đồ số 8 của gia đình ông Nguyễn Văn B. Đất của ông bà nằm phía trước đất của ông B. Khoảng 17 năm trước đây, gia đình ông bà có cho gia đình ông B một lối đi trên phần đất thuộc thửa 166 để ra lộ công cộng. Lối đi có chiều ngang khoảng 0,5 m nhưng có đoạn khoảng 0,7 m và chiều dài 120m. Trên lối đi này có 03 cây cầu do gia đình ông B xây dựng. Đến năm 2015, ông B có hỏi xin ông bà để đổ bê tông lối đi này. Nhưng đến tháng 9/2015 gia đình ông B và gia đình ông bà xảy ra mâu thuẫn, gia đình ông B chửi mắng và có lời lẽ xúc phạm đến gia đình ông bà. Khi hòa giải tại ấp và xã gia đình ông B vẫn không biết được cái sai của mình, không đến xin lỗi gia đình ông bà mà còn tiếp tục mắng chửi ông bà. Do đó, ông bà có rào một hàng rào bằng dây kẽm gai tại một bên lối đi để phân định lối đi này với đất của ông bà tránh

xảy ra mâu thuẫn về sau. Từ khi rào thì hoa màu gần lối đi bị phá hoại, ông bà có báo sự việc này với chính quyền địa phương. Hiện tại, gia đình ông B vẫn có thể đi được trên lối đi này, ông bà vẫn đồng ý để gia đình ông Bầu tiếp tục sử dụng lối đi theo hiện trạng. Còn đối với yêu cầu của gia đình ông Bầu yêu cầu mở lối đi có chiều ngang 1,2m và chiều dài 120 m thì ông bà không đồng ý. Ngoài lối đi trên đất của ông bà thì vẫn còn lối đi khác cho gia đình ông B ra lộ công cộng nhưng xa hơn lối đi qua đất của ông bà.

Trong bản tự khai và các lời khai khai trong quá trình giải quyết vụ án, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan là ông B, chị Ph trình bày:

Ông B và chị Ph thống nhất với lời trình bày của bà L, không đồng ý mở lối đi có chiều ngang 1,2m và chiều dài 120 m cho gia đình ông B.

Ý kiến của Kiểm sát viên tham gia phiên tòa:

Thẩm phán đã xác định đúng tư cách người tham gia tố tụng, đúng quan hệ pháp luật, thu thập chứng cứ trong quá trình tố tụng… Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa tuân theo đúng quy định của pháp luật, vô tư, khách quan. Đối với các đương sự, nguyên đơn chấp hành đúng theo quy định của pháp luật. Đối với bị đơn và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan thực hiện chưa đầy đủ theo quy định của pháp luật, đã được Tòa án triệu tập hợp lệ đến lần thứ hai nhưng vẫn vắng mặt không có lý do.

Về phần nội dung vụ án: Phần lối đi phía nguyên đơn yêu cầu đã hình thành từ trước năm 1975. Năm 1981, ông B với ông B được cha mẹ chia đất và gia đình ông B vẫn tiếp tục sử dụng lối đi này để ra lộ công công. Năm 2015, được sự cho phép của ông B, gia đình ông B đổ bê tông làm cầu cho lối đi kiên cố để việc đi lại được thuận tiện. Đến khoảng đầu năm 2017, gia đình hai bên có xảy ra mâu thuẫn. Gia đình ông B bà L đã xắn đất của một phần lối đi ở đầu trên phía bên con mương tính từ phía lộ công cộng đi vào và một bên còn lại ông bà rào bằng dây kẽm gai, chỉ chừa lối đi thực tế có chiều ngang một đầu là 0,5 m, diện tích chỉ còn 60,6m^2 làm ảnh hưởng đến lối đi của gia đình ông B, gây khó khăn cho việc đi lại. Nhiều lần ông B có yêu cầu gia đình ông B bà L trả lại lối đi cũ nhưng gia đình ông B bà L không đồng ý và cho rằng gia đình ông B có lỗi trong vấn đề này. Phía gia đình bị đơn chỉ đồng ý cho nguyên đơn đi bằng việc phải mở lối đi dưới mương có diện tích là 47,7m^2, có chiều ngang là 0,5 m. Do đó, ông B bà Ng yêu cầu Tòa án buộc gia đình bà Nguyễn Thị L, ông Nguyễn Văn B phải mở cho gia đình ông bà lối đi có chiều ngang khoảng 1,2 m, chiều dài 120 m, diện tích theo đo đạc thực tế là 125,9m^2 trên phần đất có diện tích 4.180,2m^2, thuộc thửa 166, tờ bản đồ số 8, đất tọa lạc tại ấp B, xã H, huyện T, tỉnh Bến Tre do hộ bà Nguyễn Thị L đứng tên giấy chứng nhận quyền sử dụng đất để ông bà có một lối đi thuận tiện ra đường lộ công cộng. Ông B, bà Ng đồng ý bồi thường giá trị đất và những thiệt hại về hoa màu trên đất theo giá nhà nước quy định do việc mở lối đi gây ra. Ngoài lối đi này ông bà không còn lối đi nào khác để ra lộ công cộng, đây là lối đi duy nhất và thuận tiện để ra đường lộ công cộng.

Xét thấy yêu cầu của nguyên đơn là phù hợp với quy định của pháp luật nên

đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu xin mở lối đi của nguyên đơn.

Đối với phần tài sản trên lối đi nguyên đơn yêu cầu mở là của ông B bà L, cần buộc ông B bà Ng phải bồi thường, đồng thời phải bồi thường giá trị phần đất dành làm lối đi cho ông B bà Ng.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên toà và căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên toà, Hội đồng xét xử nhận định:

Về tố tụng:

Việc ông Nguyễn Văn B và bà Nguyễn Thị Kim Ng tranh chấp quyền về lối đi qua bất động sản liền kề với bà Nguyễn Thị L đối với lối đi trên đất tọa lạc tại xã H, huyện T, tỉnh Bến Tre thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Giồng Trôm theo quy định tại khoản 9 Điều 26 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Đối với bà Nguyễn Thị L là bị đơn trong vụ án và ông Nguyễn Văn B, chị Nguyễn Thị Trúc Ph cùng là người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan trong vụ án đã được Tòa án triệu tập hợp lệ đến lần thứ hai nhưng vẫn vắng mặt. Theo quy định tại khoản 2 Điều 227 của Bộ luật Tố tụng dân sự, Tòa án vẫn tiến hành xét xử vụ án vắng mặt bà L, ông B, chị Ph.

Về nội dung vụ án:

Phần đất có diện tích 4.180,2m^2, thuộc thửa 166, tờ bản đồ số 8 của gia đình ông Nguyễn Văn B và bà Nguyễn Thị L có giáp với phần đất có diện tích 1.942,9m^2, thuộc thửa số 167, tờ bản đồ số 8 của gia đình ông Nguyễn Văn B và bà Nguyễn Thị Kim Ng. Cả hai phần đất này đều có nguồn gốc chung của cha mẹ ông B và ông B chia cho. Phần đất của ông B và bà Ng nằm phía trong phần đất của ông B và bà L, khi đi ra lộ công cộng thì ông B và bà Ng phải đi ngang qua phần đất của ông B và bà L.

Năm 1981, gia đình ông B, bà Ng cùng thỏa thuận và được gia đình ông B, bà L đồng ý dành cho gia đình ông B một lối đi ra lộ công cộng có chiều ngang khoảng 0,5m, chiều dài khoảng 108m, đi ngang qua phần đất của gia đình ông B, bà L. Lối đi này được gia đình ông B bà Ng đổ bê tông và xây dựng 02 cầu bê tông kiên cố. Đến tháng 9/2015, hai gia đình xảy ra mâu thuẫn, gia đình ông B bà L đã xắn đất tại một bên và rào một bên của lối đi ở đầu trên tính từ phía lộ công cộng đi vào làm cho việc đi lại của gia đình ông B bà Ng rất khó khăn.

Qua xem xét thẩm định tại chỗ đo đạc, kiểm kê, định giá tài sản thì thực tế gia đình ông B bà Ng vẫn đi ra lộ công cộng trên lối đi này, lối đi đã có từ năm 1981, có diện tích 60,6m^2 thuộc thửa 166a, tờ bản đồ số 8, tọa lạc tại ấp ấp B, xã H, huyện T, tỉnh Bến Tre do hộ bà Nguyễn Thị L đứng tên giấy chứng nhận quyền sử dụng đất. Phần lối đi này có chiều ngang là 0,5m, một bên lối đi là hàng rào bằng dây kẽm gai và một bên lối đi là sát mép mương lớn rất nguy hiểm cho việc đi lại của gia đình ông B bà Ng. Nếu đi tránh một bên để tránh hàng rào dây kẽm gai thì dễ

rơi xuống mương nên lối đi này không thể gọi là thuận tiện để ra đường công cộng được.

Đối với phía bị đơn: Hiện tại gia đình ông B bà Ng đang sử dụng lối đi này nhưng sau này bà L ông B không đồng ý cho gia đình ông B tiếp tục đi bằng lối đi này nữa mà sẽ cho gia đình ông B đi bằng một lối đi khác ở dưới mương có diện tích là 47,7m^2, chiều ngang là 0,5 m, bà Liên ông B yêu cầu gia đình ông B bắt cầu mới dưới mương để đi. Xét yêu cầu này là không phù hợp vì lối đi cũ đã được gia đình cha mẹ ông B ông B sử dụng từ trước năm 1975. Đến năm 1981, gia đình ông B bà Ng về ở tại phần đất phía trong đất của ông B bà L và vẫn tiếp tục sử dụng lối đi này. Đến năm 2015, được sự cho phép của ông B bà L, gia đình ông B bà Ng đã đổ bê tông làm đường và xây cầu cho lối đi kiên cố để việc đi lại được thuận tiện. Theo ý kiến của ông B và bà L là đồng ý dành lối đi cho gia đình ông B bà Ng một lối đi ở dưới mương, tuy nhiên đối với lối đi này thực tế ông B bà Ng không thể nào xây dựng cầu để làm lối đi trên suốt chiều dài của con mương được. Mặt khác, ngoài lối đi hiện tại để ra lộ công cộng thì không còn lối đi nào khác.

Do đó, cần buộc phía gia đình ông B bà L và chị Nguyễn Thị Trúc Ph có trách nhiệm tháo dỡ, di dời một đầu hàng rào dây kẽm gai có diện tích là 36m x 0,8m = 28,8m^2 để trả lại một lối đi thông thoáng và hợp lý cho gia đình ông B bà Ng. Cụ thể lối đi theo đo đạc thực tế là 125,9m^2 trên phần đất có diện tích 4.180,2 m^2, thuộc thửa 166, tờ bản đồ số 8, đất tọa lạc tại ấp Ấp B, xã H, huyện T, tỉnh Bến Tre do hộ bà Nguyễn Thị L đứng tên giấy chứng nhận quyền sử dụng đất để ông B bà Ng có một lối đi thuận tiện ra đường lộ công cộng.

Trên lối đi ông B bà Ng yêu cầu, phía hai đầu đất của lối đi đều tiếp giáp với đất của gia đình ông B bà Ng. Ở hai đầu của lối đi là rạch, ông B bà Ng đã xây hai cây cầu kiên cố (không nằm trong phần lối đi yêu cầu). Một cây cầu nằm ở vị trí phía đầu bên ngoài của lối đi (tính từ lộ công cộng đi vào) được bắt qua rạch công cộng, một đầu của cây cầu này giáp đường lộ công cộng, một đầu còn lại của cây cầu tiếp giáp với đất của bà L ông B. Một cây cầu nằm ở vị trí phía cuối của lối đi, cây cầu được xây dựng trên con rạch thuộc quyền sử dụng của ông B bà Ng, trong đó một đầu cầu nằm trên đất của ông B bà Ng, còn một đầu tiếp giáp với đất của bà L ông B.

Xét thấy trên lối đi này, theo biên bản định giá tài sản ngày 10/3/2017 của Hội đồng định giá tài sản huyện Giồng Trôm thì các hoa màu trên đất gồm: Dừa 01 năm đến dưới 04 năm có 01 cây; Chanh trên 03 năm có 01 cây; Chanh dưới 01 năm có 03 cây; Xoài trên 06 năm có 01 cây. Trị giá chung của các hoa màu trên đất là 1.590.000 đồng.

Về đất có diện tích là 125,9m^2 thuộc thửa 166a, tờ bản đồ số 8, tọa lạc tại ấp Bình Tiên 1, xã Bình Hòa, huyện Giồng Trôm, tỉnh Bến Tre có giá trị thành tiền là 5.539.600 đồng.

Như vậy, cần buộc ông B, bà Ng phải có trách nhiệm liên đới đền bù cho ông B, bà L và chị Ph do việc mở lối đi gây ra với tổng số tiền của giá trị quyền sử dụng đất và hoa màu trên đất là 7.129.600 đồng.

Về án phí và các chi phí tố tụng khác: Do toàn bộ yêu cầu của nguyên đơn được chấp nhận nên nguyên đơn không phải chịu án phí. Tuy nhiên, tại phiên tòa

nguyên đơn đồng ý tự nguyện chịu toàn bộ tiền án phí và các chi phí tố tụng khác trong trường hợp yêu cầu của nguyên đơn được chấp nhận. Hội đồng xét xử xét thấy đây là sự tự nguyện của nguyên đơn, không vi phạm điều cấm của luật và không trái đạo đức xã hội nên ghi nhận.

Về án phí: Ông Nguyễn Văn B và bà Nguyễn Thị Kim Ng đồng ý tự nguyện chịu toàn bộ án phí theo quy định là 356.480 đồng. Do ông B và bà Ng đã nộp số tiền tạm ứng án phí là 214.500 đồng theo biên lai số 0015806 ngày 31/12/2015 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Giồng Trôm nên ông B và bà Ng còn phải nộp thêm số tiền là 141.980 đồng.

Về chi phí tố tụng khác: Ông B bà Ng tự nguyện chịu toàn bộ chi phí cho việc thu thập chứng cứ, đo đạc, định giá 1.460.000 đồng và đã nộp xong.

Vì các lẽ trên:

QUYẾT ĐỊNH:

Áp dụng Điều 254 của Bộ luật Dân sự năm 2015; Khoản 9 Điều 26, khoản 2 Điều 227 và Điều 147 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu mở lối đi qua bất động sản liền kề của ông Nguyễn Văn B và bà Nguyễn Thị Kim Ng đối với hộ ông Nguyễn Văn B, bà Nguyễn Thị L và chị Nguyễn Thị Trúc Ph.

2. Buộc hộ ông Nguyễn Văn B, bà Nguyễn Thị L và chị Nguyễn Thị Trúc Ph phải tháo dỡ và di dời hàng rào trụ đá chôn, kéo dây chì gai có chiều dài là 36m và chiều ngang là 0,8m, diện tích là 28,8m^2 để dành cho gia đình ông Nguyễn Văn B và bà Nguyễn Thị Kim Ng một lối đi thuận tiện để ra lộ công cộng.

Lối đi có diện tích theo đo đạc thực tế là 125,9m^2 trên phần đất có diện tích là 4.180,2 m^2, thuộc thửa 166, tờ bản đồ số 8, đất tọa lạc tại ấp B, xã H, huyện T, tỉnh Bến Tre do hộ bà Nguyễn Thị L đứng tên giấy chứng nhận quyền sử dụng đất.

Chiều ngang của lối đi có độ dài các cạnh đầu là 1.23m và 1.20m.

Chiều dài của lối đi có độ dài các cạnh như sau: 1.55m + 1.11m + 2.16m + 3.05m + 6.89m + 6.71m + 15.13m + 4.81m + 16.39m + 23.14m + 27.17m và 27.10m + 23.39m + 16.47m + 4.75m + 14.63m + 6.17m + 7.88m + 2.75m + 2.32m + 1.37m + 1.64m.

(Có kèm theo Phiếu xác nhận kết quả đo đạc hiện trạng thửa đất).

Phần lối đi tiếp giáp hai đầu đất như sau: Đầu từ lộ công cộng vào là con rạch công cộng, hiện tại gia đình ông B và bà Ng đã xây cầu có chiều dài 5m và chiều ngang 1,2m, diện tích cầu là 6m^2, trong đó một đầu cầu nằm trên đất của ông B và bà

Ng, còn một đầu tiếp giáp với đất của bà L và ông B. Đầu phía trong của lối đi là cây cầu được xây dựng trên con rạch thuộc quyền sử dụng của ông B và bà Ng có chiều ngang là 1,2m và chiều dài là 3,5m, diện tích là 4,2m^2, trong đó một đầu cầu nằm trên đất của ông B và bà Ng, còn một đầu tiếp giáp với đất của bà L và ông B.

3. Buộc ông Nguyễn Văn B, bà Nguyễn Thị Kim Ng phải có trách nhiệm giao số tiền đền bù cho ông Nguyễn Văn B, bà Nguyễn Thị L và chị Nguyễn Thị Trúc Ph với tổng số tiền là 7.129.600 đồng (Bảy triệu một trăm hai mươi chín nghìn sáu trăm đồng).

Kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật, kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của ông Nguyễn Văn B, bà Nguyễn Thị L và chị Nguyễn Thị Trúc Ph, nếu ông Nguyễn Văn B và bà Nguyễn Thị Kim Ng không chịu giao số tiền như án tuyên thì hàng tháng ông Nguyễn Văn B và bà Nguyễn Thị Kim Ng còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn lại phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015

4. Về án phí: Ông Nguyễn Văn B và bà Nguyễn Thị Kim Ng tự nguyện chịu toàn bộ án phí theo quy định là 356.480 đồng (Ba trăm năm mươi sáu nghìn bốn trăm tám mươi đồng). Do ông B và bà Ng đã nộp số tiền tạm ứng án phí là 214.500 đồng (Hai trăm mười bốn nghìn năm trăm đồng) theo biên lai số 0015806 ngày 31/12/2015 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Giồng Trôm. Ông B và bà Ng còn phải nộp thêm số tiền là 141.980 đồng (Một trăm bốn mươi mốt nghìn chín trăm tám mươi đồng).

5. Về chi phí tố tụng khác: Ông Nguyễn Văn B, bà Nguyễn Thị Kim Ng tự nguyện chịu toàn bộ chi phí cho việc thu thập chứng cứ, đo đạc, định giá là 1.460.000 đồng (Một triệu bốn trăm sáu mươi nghìn đồng) và đã nộp xong.

Các đương sự có quyền làm đơn kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, đương sự vắng mặt tại phiên tòa hoặc không có mặt khi tuyên án mà có lý do chính đáng thì thời hạn kháng cáo tính từ ngày nhận bản án hoặc được tống đạt hợp lệ.

Trong trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, Điều 7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
- Các đương sự;
- VKSND huyện Giồng Trôm;
- Chi cục THADS huyện Giồng Trôm;
- TAND tỉnh Bến Tre;
- Lưu hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ
THẨM PHÁN - CHỦ TOẠ PHIÊN TÒA

Đã ký

Võ Thế Trang Đền